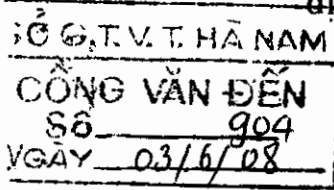


**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ và các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**



*Sưu tập:*  
*- 1 ĐS?*  
*- ĐS, TT, T. (S.?)*  
*- Kế hoạch (S.?)*  
*Chức vụ T. (S.?)*  
*trở lại T. (S.?)*  
*an, K. (S.?)*

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;  
Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;  
Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;  
Căn cứ Quyết định số 15/2006/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành điều lệ đường ngang;  
Căn cứ văn bản số 2241/BGTVT-VT ngày 24 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông vận tải về việc thủ tục thoả thuận giữa Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về quy hoạch các điểm đầu nối vào Quốc lộ;  
Căn cứ văn bản số 2523/ĐS-CSHT ngày 09 tháng 11 năm 2007 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc thoả thuận quy hoạch các vị trí giao cắt giữa đường bộ Hà Nam với tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh;  
Căn cứ văn bản số 1388/BGTVT-VT ngày 10/3/2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc thoả thuận quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh Hà Nam;  
Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải (tại tờ trình số 314/TTr-SGTVT ngày 22/4/2008, kèm theo hồ sơ quy hoạch), đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại tờ trình số 225/TTr-SKHĐT ngày 05/5/2008) về việc phê duyệt Quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến quốc lộ và các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ và các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt trên địa bàn tỉnh Hà Nam, với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên đồ án:** Quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ và các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt.

2. **Phạm vi nghiên cứu:** Các tuyến Quốc lộ 1A, 21A, 21B, 38; tuyến đường sắt Bắc Nam và đường sắt chuyên dùng Phủ Lý - Kiện Khê.

3. **Mục tiêu quy hoạch:** Làm cơ sở thực hiện việc đầu tư, xây dựng các nút giao với Quốc lộ, các đường ngang giao cắt với đường sắt nhằm đảm bảo an toàn giao thông và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

#### 4. Nội dung Quy hoạch:

4.1. **Quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ:**

##### a) Tuyến QL1A:

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 16 vị trí (*Phải tuyến: 08 vị trí; trái tuyến: 08 vị trí*).

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 38 vị trí (*Phải tuyến: 22 vị trí; trái tuyến: 16 vị trí*).

- Các vị trí đường ngang cũ duy trì tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: 68 vị trí (*Phải tuyến: 34 vị trí; trái tuyến: 34 vị trí*).

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 3.910 m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 43.393 m.

##### b) Tuyến QL21A:

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 13 vị trí (*Phải tuyến: 07 vị trí; trái tuyến: 06 vị trí*).

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 45 vị trí (*Phải tuyến: 21 vị trí; trái tuyến: 24 vị trí*).

- Các vị trí đường ngang cũ duy trì tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: 76 vị trí (*Phải tuyến: 37 vị trí; trái tuyến: 39 vị trí*).

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 0 m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 40.845 m.

##### c) Tuyến QL21B:

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 03 vị trí (*Phải tuyến: 01 vị trí; trái tuyến: 02 vị trí*).

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 19 vị trí (*Phải tuyến: 10 vị trí; trái tuyến: 09 vị trí*).

- Các vị trí đường ngang cũ duy trì tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: 47 vị trí (*Phải tuyến: 19 vị trí; trái tuyến: 28 vị trí*).

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 0 m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 17.790 m.

d) *Tuyến QL38:*

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 07 vị trí (*Phải tuyến: 04 vị trí; trái tuyến: 03 vị trí*).

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 29 vị trí (*Phải tuyến: 13 vị trí; trái tuyến: 16 vị trí*).

- Các vị trí đường ngang cũ duy trì tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: 77 vị trí (*Phải tuyến: 13 vị trí; trái tuyến: 64 vị trí*).

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 0m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 26.325m.

#### **4.2 Quy hoạch các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt:**

a) *Tuyến đường sắt Thống Nhất:*

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 11 vị trí.

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 08 vị trí.

- Các vị trí đường ngang cũ thực hiện bổ sung thiết bị an toàn giao thông để duy trì có tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: Đường ngang duy trì có thời hạn: 27 vị trí; Lối đi dân sinh phải loại bỏ: 183 vị trí.

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 3.380 m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 18.195 m.

b) *Tuyến đường sắt chuyên dùng Phủ Lý-Kiên Khê - Bút Sơn:*

- Các vị trí quy hoạch mở đường ngang mới: 01 vị trí.

- Các vị trí cũ đã có đường ngang nay tiếp tục duy trì, nâng cấp: 09 vị trí.

- Các vị trí đường ngang cũ thực hiện bổ sung thiết bị an toàn giao thông để duy trì có tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang mới thay thế và đường gom: 04 vị trí.

- Quy hoạch hệ thống đường gom:

+ Đường gom cũ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 0 m.

+ Đường gom dự kiến bổ sung xây dựng mới: 550 m.

### **5. Khái toán kinh phí, nguồn vốn đầu tư:**

**5.1. Tổng kinh phí: 419.660.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Kinh phí xây dựng, nâng cấp các vị trí đường ngang đấu nối với Quốc lộ (*kể cả đường gom*): 405.880.000.000 đồng.

- Kinh phí xây dựng, nâng cấp các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt: 13.780.000.000 đồng.

5.2. *Nguồn vốn*: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác.

## **Điều 2. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

### **1. Lộ trình thực hiện đối với các vị trí đường ngang đầu nối với quốc lộ:**

a) *Nhóm các đường ngang hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp:*

- Giữ nguyên hiện trạng những vị trí giao cắt đã đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn giao thông.

- Đối với những đường giao cắt chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn giao thông: Cải tạo nâng cấp như: Mở rộng nền, mặt đường; mở rộng bán kính các hướng rẽ và tầm nhìn; bổ sung trang thiết bị an toàn giao thông; nâng cấp mặt đường (*láng nhựa, BTN hoặc BTXM*).

- Thời gian thực hiện từ năm 2008 đến năm 2015 theo lộ trình cải tạo, quy hoạch hệ thống đường giao thông tỉnh Hà Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) *Nhóm các đường ngang duy trì tạm thời, sẽ xây dựng đường gom để đóng lại:*

- Giai đoạn từ nay đến năm 2020: Các đường dân sinh, các đường ngang không phù hợp, các đường ngang đã tồn tại từ trước do nhiều nguyên nhân sẽ thực hiện xóa bỏ sau khi hoàn thành xây dựng hệ thống đường gom và các đường ngang mới thay thế. Trong đó đến hết quý I/2009 sẽ cơ bản xóa bỏ các vị trí đường ngang đầu nối trái phép vào quốc lộ theo lộ trình tại Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt.

- Các cửa hàng xăng dầu: Thực hiện theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 24/01/2006 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu tỉnh Hà Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, đồng thời tiếp tục rà soát bổ sung quy hoạch theo các quy định tại Nghị định số 186 và Thông tư số 13 trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt trước ngày 31/12/2008 hoặc di chuyển những cây xăng có vị trí không phù hợp về khoảng cách, vị trí, vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy.

c) *Nhóm các đường ngang quy hoạch mở mới:*

Xây dựng mới các đường ngang đầu nối theo quy hoạch từ năm 2007 đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt và theo lộ trình thực hiện các dự án có liên quan.

### **2. Lộ trình thực hiện đối với các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt:**

a) *Nhóm các đường ngang tiếp tục duy trì, nâng cấp:*

- Giữ nguyên hiện trạng những vị trí đường ngang đã đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn giao thông.

- Đối với những đường ngang chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn giao thông, trong thời gian trước mắt địa phương và ngành Đường sắt sẽ phối hợp đầu tư bổ sung trang thiết bị để đảm bảo an toàn giao thông cho các đường ngang này trong thời gian duy trì hoạt động. Đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc nâng cấp cải tạo các đường ngang này theo quy hoạch.

b) *Nhóm các đường ngang duy trì tạm thời, sẽ xây dựng đường gom để đóng lại:* Các đường ngang này sẽ được bổ sung trang thiết bị an toàn giao thông để duy trì tạm thời và sẽ đóng lại sau khi thực hiện xây dựng các đường ngang mới thay thế và đường gom theo lộ trình thực hiện tại Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

c) *Nhóm các đường ngang quy hoạch mở mới:* Trước mắt triển khai xây dựng mới các đường ngang theo quy hoạch đã được ngành đường sắt cấp phép. Các đường ngang quy hoạch mới còn lại sẽ tiếp tục triển khai xây dựng theo lộ trình thực hiện quy hoạch GTVT của tỉnh tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh Hà Nam và Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Phối hợp quản lý và tổ chức thực hiện:

- Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã phối hợp với Sở Giao thông vận tải Hà Nam trong việc quản lý quy hoạch các vị trí đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ và các vị trí đường ngang giao cắt với đường sắt để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Đồng thời đầu tư nâng cấp các đường ngang đầu nối theo quy hoạch.

- Đề nghị Bộ Giao thông vận tải ưu tiên đầu tư bằng các nguồn vốn ngân sách, vốn ODA, để nâng cấp các đường ngang đầu nối mạng lưới đường bộ địa phương với các tuyến Quốc lộ, đường sắt và xây dựng đường gom để đóng các đường ngang không đủ tiêu chí theo đúng lộ trình.

- Đề nghị Tổng Công ty đường sắt ưu tiên bố trí vốn để bổ sung trang thiết bị, nâng cấp các đường ngang hiện tại, xây dựng đường gom và rào chắn tại các khu vực đông dân cư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Bộ GTVT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Tổng Công ty ĐSVN;
- LĐVP, GT, XD, DN&XTDT;
- Lưu VT, GTXD.

CHỦ TỊCH



Trần Xuân Lộc

CÁC VỊ TRÍ QUY HOẠCH ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU NỐI  
 VỚI CÁC TUYẾN QUỐC LỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 629/QĐ-UBND ngày 30/5/2008  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

1. TUYẾN QL1A:

1.1. Các tuyến đường bộ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 38 vị trí. Trong đó trái tuyến: 16 vị trí, phải tuyến 22 vị trí.

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Phải tuyến:</b>			
1	Km216+300	Bn=3m, Bm=2,5m, cấp phối	Vào làng Ngọc Thụy, xã Duy Minh
2	Km217+500	Bn=5,8m, Bm=5m, đường BT	Vào làng Tú, xã Duy Minh
3	Km220+450	Bm = 7m, đường nhựa	Thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông
4	Km222+100	B=60m, đường BT	Cụm CN Hoàng Đông
5	Km224+550	Bn=5,5m, Bm=2,5m, cấp phối	Xã Tiên Tân
6	Km227+780	Bm=10m, BTN	Giao QL21B (đầu cầu Ba Đa)
7	Km229+900	Bm=15m, BTN	Đường Trần Phú
8	Km230+610	Bn=20m, Bm=15m, BêTông	Đường nội thị (cạnh Bưu điện tỉnh)
9	Km231+050	Bm=10,4m, đường BTN	Cầu Hồng Phú
10	Km232+100	B <sub>nén</sub> = 20m, mặt đường BTN	Giao với đường đầu cầu Phủ Lý
11	Km235+350	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Đi TT Kiện Khê
12	Km235+900	Cải tạo nâng cấp, Bn=12-27m, Bm=7-15m, BTN.	Đường vành đai phân lũ
13	Km237+750	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đi xã Thanh Thủy
14	Km240+150	Bn=3m, Bm=2,5m, đường nhựa	Xã Thanh Tân
15	Km241+850	Bn=3m, Bm=2,5m, đường nhựa	Phố Tăng
16	Km242+896	Bn=5m	Nâng cấp, mở rộng đường vào xã Thanh Hương
17	Km244+150	Bn=10m, Bm=9m, BTN	Giao ĐT.495B (cầu Bồng Lạng)
18	Km244+950	Bn=4,5m, Bm=3m, đường nhựa	Phố Cà
19	Km247+450	Bn=2,5m, Bm=2m, cấp phối	Xã Thanh Hải
20	Km249+00	Bn=15m	Nâng cấp vào cụm CN, TTCN Thanh Hải
21	Km250+00	Bn=3m, Bm=2m, cấp phối	DTTC Kẽm trống
22	Km250+800	Bn=5m, Bm=3m, đường BTN	Đường đê
<b>Trái tuyến:</b>			
1	Km219+210	Đường BTN, B <sub>mặt</sub> = 12m	Giao với QL38 (Đông Văn - Yên Lệnh)
2	Km229+600	Đường nhựa, Bn=5m, Bm=3,5m	Giao với ĐT.493
3	Km230+150	Đường láng nhựa, B <sub>mặt</sub> =7m,	Giao với đường Lê Lợi

4	Km230+250	Đường BTN Bn=17m, Bm=9m	Giao với đường Biên Hoà
5	Km232+100	Bn = 12m, Bmặt = 11m	Giao QL21A
6	Km232+480	B <sub>nén</sub> = 15m.	Khu đô thị Thanh Châu
7	Km233+750	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Giao ĐT.495 (xã Thanh Hà)
8	Km235+900	Bn=12-27m, Bm=7-15m, BTN.	Đường N2
-9	Km237+750	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đi Xã Thanh Phong
10	Km239+250	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Giao ĐH02 (ĐT.9712 cũ), Xã Thanh Phong
11	Km241+231	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Nâng cấp đường vào xã Thanh Hương
12	Km241+850	Bn=3m, Bm=2,5m, đường nhựa	Phố Tăng
13	Km244+950	Bn=5m, Bm3,5m, đường nhựa	Phố Cà
14	Km247+150	Bn=4m, Bm=3m, bê tông	Thôn Thanh Khê, xã Thanh Hải
15	Km248+900	Đường nhựa, Bm=5m	Thôn Cổ Động, xã Thanh Hải
16	Km250+700	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Xã Thanh Hải

**1.2. Các tuyến đường bộ được đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom để thay thế các đường ngang không thực hiện nâng cấp: 16 vị trí (trái tuyến: 08 vị trí, phải tuyến: 08 vị trí).**

STT	Lý trình	Quy mô đường ngang	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km216+137	B <sub>nén</sub> =38m, B <sub>mặt</sub> =26m, BTN	Giao với QH vào khu CN Đồng Văn 2
2	Km217+800	B <sub>nén</sub> =12m	Tuyến tránh đảm bảo GT tải công nút giao Đồng Văn
3	Km220+100	B <sub>nén</sub> =45m	Quy hoạch đường vào KCN
4	Km222+750	B <sub>nén</sub> =45m	QH vào KCN, khu trung tâm đào tạo
5	Km226+400	B <sub>nén</sub> =45m	QH vào khu TT đào tạo và liên thông với đường cao tốc
6	Km227+00	Cầu vượt, Mở mới B=12m	Quy hoạch QL21B mới (phía trái)
7	Km228+250	B <sub>nén</sub> =45m	Đường phố chính quy hoạch của TX Phủ Lý.
8	Km242+610	Giao bằng, Bm=7m	Quy hoạch Đường Lâm Nghiệp
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km219+210	Bn=12m, Bm=7m, đường BTN	QH QL38 qua TT Đồng Văn
2	Km227+00	Cầu vượt, Mở mới B=12m	Quy hoạch QL21B mới (phía phải)
3	Km228+950	Giao bằng, Bn=28m	QH vào KĐT Quang Trung - Lam Hạ
4	Km229+600	Giao bằng, Bn=42m	QH đường N3 vào cầu Phù Vân
5	Km231+600	Giao bằng, Bm=7m	QH vào khu TMDV Đông sông đáy
6	Km233+750	Bn=12m	QH đường vành đai phía Nam TX Phủ lý
7	Km236+850	Bn=9m	QH vào KCN Thanh Liêm (Nhà máy Bia)
8	Km238+950	Bn=7m, cấp phối	QH vào Cty BT đúc sẵn Hà Nam

1.3. Các tuyến đường bộ hiện có duy trì tạm thời sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế và đường gom: 68 vị trí (trái tuyến: 34 vị trí, phải tuyến: 34 vị trí).

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km219+900	$B_{nén}=4m, B_{mặt}=3m, BTXM$	Đường vào thôn Đồng Văn
2	Km220+450	$B_{nén}=6m, B_{mặt}=4m, \text{cấp phối}$	Thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông
3	Km221+400	$B_{nén}=3m, B_{mặt}=2,5m, BTXM$	Đường vào thôn Bạch Xá
4	Km222+250	$B_{nén}=4m, B_{mặt}=3,5m, \text{cấp phối}$	Đường vào thôn Hoàng Đạo
5	Km222+900	$B_{nén}=3m, B_{mặt}=2m, \text{cấp phối}$	Đường vào thôn Hoàng Lý 1
6	Km223+650	$B_{nén}=4m, B_{mặt}=3m, \text{cấp phối}$	Đường vào xã Tiên Nội
7	Km224+218	$B_{nén}=4m, B_{mặt}=3m, \text{cấp phối}$	Đường vào xã Tiên Nội
8	Km224+600	$B_{nén}=3m, B_{mặt}=2,5m, \text{Bê tông}$	Đường vào thôn Cầu Sáo
9	Km225+250	$B_{nén}=9m, \text{cấp phối}$	Giao ĐT9711 cũ
10	Km225+700	$B_{nén}=3m, B_{mặt}=2m, \text{bê tông}$	Đường vào thôn Kiều
11	Km226+200	$B_{nén}=3,5m, B_{mặt}=3m, \text{bê tông}$	Đường vào thôn Đan
12	Km226+650	$B_{nén}=3m, B_{mặt}=2,2m, \text{bê tông}$	Đường vào làng Đại Cầu
13	Km227+870	$B_{nén}=5m, B_{mặt}=4m, \text{bê tông}$	Vào thôn Quỳnh Chân ( <i>Phường Quang Trung</i> )
14	Km228+780	$B_{nén}=4m, B_{mặt}=3m, \text{bê tông}$	Vào thôn Lương Cổ ( <i>Phường Quang Trung</i> )
15	Km232+550	$B_n=17m, B_m=9m, \text{đường BTN}$	Cạnh CN xăng dầu Hà Nam
16	Km232+670	Đường BTN, $B_m=15m$	Vào UBND xã Thanh Châu
17	Km232+700	Đường Nhựa, $B_m=5m$	Vào UBND xã Thanh Châu cũ
18	Km232+800	Đường BTN, $B_m=7m$	Cty XDCTGT 820
19	Km233+950	$B_n=5m, B_m=3m, \text{đường BTXM}$	Thôn Mậu Chủ
20	Km236+850	$B_n=5m, B_m=2,5m, \text{đường nhựa}$	Đi thôn An Hoà
21	Km237+150	$B_m=2m, \text{đường BT}, B_n=4m$	Xã Thanh Hà
22	Km238+700	$B_m=2,5m, \text{bê tông}, B_n=4m$	Xã Thanh Phong
23	Km239+290	$B_n=6m, B_m=5m, \text{bê tông}$	Vào chợ Thanh Phong
24	Km239+550	$B_n=3m, B_m=2m, \text{bê tông}$	Xuống nhà thờ
25	Km239+950	$B_n=2,5m, B_m=2m, \text{bê tông}$	Xã Thanh Phong
26	Km241+250	$B_m=3m, \text{đường Cấp phối}$	Vào thôn Đan
27	Km241+400	$B_n=4m$	Vào nhà thờ
28	Km242+896	$B_n=5m, B_m=3,5m, \text{đường nhựa}$	Nâng cấp đường vào xã Thanh Hương
29	Km242+900	$B_m=3m, \text{đường BTXM}$	Vào làng Triều
30	Km245+700	$B_n=3m, B_m=2m, \text{bê tông}$	Làng Mộc Tòng, Xã Thanh Nguyên
31	Km246+050	$B_n=3m, B_m=2m, \text{cấp phối}$	Xã Thanh Nguyên
32	Km247+450	Đường BTXM, $B_m=3m$	Làng Thanh Khê, xã Thanh Nguyên
33	Km249+200	$B_n=3m, B_m=2,5m, \text{cấp phối}$	Thôn Cổ Động



34	Km249+310	Bn=3.5m	Cạnh Nghĩa trang
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km215+800	Bn=3m, Bm=2,5m, cấp phối	Đường đê
2	Km218+300	Bn=4,5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Vào xã Duy Minh
3	Km218+800	Bn=4m, Bm=3m, bê tông	Vào làng Ninh Lão Thượng
4	Km219+100	Bn=3m, Bm=2m, đường BT	Vào làng Ninh Lão Thượng
5	Km219+600	Bm=7m, đường BTN	QL38 Đông Văn-Chợ Dầu
6	Km221+230	Bn=4m, Bm=3m, đường BT	Thôn Hoàng Thượng
7	Km223+150	Đường bê tông, Bn=6m	Cụm CN Hoàng Đông
8	Km223+430	Đường cấp phối, Bn=2,5m	Đường vào làng
9	Km228+250	Bn=5m, Bm=4m, đường nhựa	Giao QL21B cũ (P.Quang Trung)
10	Km228+720	Bn=5m, Bm=3,5m, cấp phối	Tổ 10 phường Quang Trung
11	Km229+700	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Đường Ngô Quyền
12	Km230+30	Bm=7m, đường BTN	Đường nội Thị
13	Km232+550	B <sub>mặt</sub> = 3,5m, đường BTXM	Đường vào KTT Thanh Châu
14	Km232+750	B <sub>nén</sub> = 5,0m, đường cấp phối	Đường vào Công ty Vinh Hoa
15	Km232+837	B <sub>nén</sub> = 5,0m, đường cấp phối	Đường vào Công ty Vinh Hoa
16	Km232+900	B <sub>nén</sub> = 5,0m, đường cấp phối	Đường vào Công ty Sông Đà 8
17	Km233+400	Bn=9m, Bm=7m, đường nhựa	Đi cầu Đọ Xá
18	Km234+250	Bn=3,5m, Bm=2,5m, cấp phối	Xã Thanh Tuyên
19	Km234+630	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào làng
20	Km234+950	Đường cấp phối, Bn=5m	Nhà thờ thôn Lại Xá
21	Km236+00	Bn=7m, đường láng nhựa	Đường nội bộ khu TĐC Thanh Liêm
22	Km236+150	Bn=7m, đường láng nhựa	Đường nội bộ khu TĐC Thanh Liêm
23	Km238+520	Bm=2,5m, bê tông	Đường vào làng
24	Km239+260	Bm=3m, bê tông, Bn=4m	Đi Thanh Tân
25	Km240+630	Bn=4,5m, Bm=3,5m, bê tông	Vào khu dân cư
26	Km241+300	Bn=2,5m, Bm=2m, bê tông	Xã Thanh Hương
27	Km242+550	Bn=2,5m, Bm=2m, bê tông	Xã Thanh Hương
28	Km242+910	Bm=3m, đường BTXM	Vào xóm Lác
29	Km243+400	Bn=2,5m, Bm=2m, bê tông	Xã Thanh Hương
30	Km244+780	Bm=5m, đường cấp phối	Chợ phố Cà
31	Km246+980	Đường BTXM, Bm=2m	Vào làng
32	Km248+00	Bn=3m, Bm=2,5m, đường nhựa	Chùa Trinh Tiết
33	Km249+750	Bn=4,5m, Bm=3,5m, cấp phối	Đê tả sông đáy
34	Km250+700	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Xã Thanh Hải

## 2. TUYẾN QL21A

2.1. Các tuyến đường bộ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 45 vị trí. Trong đó trái tuyến: 24 vị trí, phải tuyến 21 vị trí.

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km98+850	Bn=4,5m, Bm=3,5m, đường đất	Đường vào Thung ổi
2	Km101+700	Bn=5m, Bm=4m, đường đá đất	Đường đi Trại Phong (ĐT9031 cũ)
3	Km103+942	Bn=6, Bm=5, láng nhựa	Vào trại giam Ba Sao (ĐT9033 cũ)
4	Km105+650	Bn=7m	Đường vào hồ Tam Trúc
5	Km107+700	Bm=3,5m, đường láng nhựa	Đi thị trấn Quế
6	Km107+850	Bm=3,5m, đường láng nhựa	Đi thị trấn Quế
7	Km109+300	Bn=7m	Đường vào Do Lễ
8	Km110+10	Bn=5m	Cầu Cẩm Sơn
9	Km111+250	Bn=6m, Bm=5m, đường BTXM	Vào khu du lịch Ngũ Động Sơn
10	Km112+650	Bn=10m, Bm=7m, BTN	Đường đi TT Quế
11	Km115+210	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào thôn Thanh Nộn
12	Km117+100	Bn=5m	Cầu phao Phù Vân
13	Km118+200	Bm=10m, đường BTN	Đường đi cầu Hồng Phú
14	Km118+850	Bn=4,5m, Bm=3m, đường	Vào tổ 12 phường Lê Hồng Phong
15	Km119+500	Bm=16m, đường BTN	Đường đi cầu Phù Lý
16	Km119c+850	Bn=14m, Bm=12m, đường BTN	Đường Trần Thị Phúc
17	Km119+920	Bn=16m, Bm=12m, láng nhựa	Đường Lê Công Thanh
18	Km119+950	Bm=7m, đường BTXM	Vào khu đô thị Trần Hưng Đạo
19	Km125+750	Bn=7m, Bm=3,5m, láng nhựa	ĐT9012 đi Đình Xá
20	Km127+130	Bn=5m, Bm=3m, láng nhựa	Vào làng Thống - Liêm Phong
21	Km130+350	B=15m	ĐT497 đi chợ Sông
22	Km132+020	Bm=4m, đường BTXM	Đường vào làng An Tập
23	Km133+230	B=7m	Xã An Đổ
24	Km134+940	Bn=7m, Bm=3,5m, láng nhựa	ĐT.495 đi Lý Nhân
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km98+400	Bm = 3,0m, đường đất	Đường vào rừng
2	Km103+850	Bm = 9,0m, đường đất	Đường vào khu TĐC
3	Km104+470	Bn=5m, Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Ba Sao
4	Km107+200	Bn=7m, Bm=5m, đường BTXM	Đường vào mỏ sét
5	Km108+700	Bn=10m, Bm=7m, đường BTXM	Đường vào mỏ sét
6	Km109+750	Bn=8m, Bm=4,5m, đường đá đất	Giao ĐT.9032 cũ
7	Km110+520	Bn=10m, Bm=7m, đường	Giao ĐT.494 (vào Cry XM Bút Sơn)

		BTXM	
8	Km112+650	Bn=12m	Nhánh 2 Lê Chân
9	Km115+660	Bn=10m, Bm=7m, đường BTXM	Đường vào NM Bút Sơn
10	Km117+900	Bn=35m, Bm=20, láng nhựa	Đường Lý Thái Tổ
11	Km118+530	Bn=20m, Bm=10m, láng nhựa	Vào phường Lê Hồng Phong
12	Km119+500	Bm=16m, đường BTN	Đường Lê Chân
13	Km119b+100	Bn=30m, Bm=20m, láng nhựa	Đường Hoàng Hanh
14	Km119+850	Bn=14m, Bm=12m, đường BTN	Đường Trần Thị Phúc
15	Km120+300	Bn=14m, Bm=12m, đường BTN	Đường Trần Thị Phúc
16	Km125+750	Bn=7m, Bm=3,5m, láng nhựa	ĐT9712 đi TT Non
17	Km127+370	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào Liêm Phong
18	Km128+950	Bn=12m	
19	Km130+350	Bn=7m, Bm=4m, láng nhựa	ĐT497 đi Yên Lý và Chợ Sòng
20	Km133+230	B=5m	Xã An Đổ
21	Km134+940	Bn=7m, Bm=3,5m, láng nhựa	Đường vào làng Trung Lương

**2.2. Các tuyến đường bộ được đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom để thay thế các đường ngang không thực hiện nâng cấp: 13 vị trí. Trong đó trái tuyến: 06 vị trí, phải tuyến 07 vị trí.**

STT	Lý trình	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km120+100	Bn=42,0m, đường BTN	Đường đô thị, nối với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
2	Km121+400	Bn=27m, đường BTN	QH giao với đường N1
3	Km123+08	Bn=27m, đường BTN	Quy hoạch trục N2 cắt qua QL21A và đường sắt
4	Km123+680	Bn=33m, đường BTN	Đường Cao tốc cầu Giẽ-Ninh Bình
5	Km129+300	B=17m, đường BTN	Đường theo QH vào bến xe, đường vành đai Thị trấn Bình Lục
6	Km129+760	B=17m, đường BTN	Quy hoạch
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km117+350	Bn=27m	QH giao với đường N3
2	Km119b+732	Bn=27m	QH vào khu CN Châu Sơn, phải ĐT494C
3	Km119+600	Bn=42m	Quy hoạch nhánh N1
4	Km120+100	Bn=42m	Quy hoạch mới
5	Km121+400	Bn=27m, đường BTN	QH giao với đường N1
6	Km123+08	Bn=27m, đường BTN	Quy hoạch trục N2 cắt qua QL21A và đường sắt
7	Km123+680	Bn=33m, đường BTN	Đường Cao tốc cầu Giẽ-Ninh Bình

**2.3. Các tuyến đường bộ hiện có duy trì tạm thời sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế và đường gom: 76 vị trí (trái tuyến: 39 vị trí; phải tuyến: 37 vị trí).**

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km101+295	Bn=5,Bm=4m, đường đá đất	Đường vào xóm 6
2	Km101+505	Bn=5m,Bm=4m, đường BT	Đường vào xóm 6
3	Km101+600	Bm = 3,0m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
4	Km103+243	Bn=5m,Bm=4m, đường BT	Đường vào xóm 5
5	Km103+595	Bn=6,Bm=5, đường CPĐD	Đường vào trại bò sữa
6	Km104+250	Bn=8,Bm=7, đường BTN	Vào TT điều dưỡng Ba Sao
7	Km104+400	Bn=3,5,Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Ba Sao
8	Km105+160	Bn=6m, Bm=4m, đường đá đất	Vào xóm Tam Trúc Ba Sao
9	Km107+650	Bn=7m, Bm=5m, đường BTXM	Đường vào XN gạch Khả Phong
10	Km107+990	Bn=5m, Bm=3,5m, đường BTXM	Đường vào XN gạch Khả Phong
11	Km109+500	Bn=7m, Bm=4m, láng nhựa	Đường vào Do Lễ
12	Km109+700	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào xóm 2 Do Lễ
13	Km109+930	Bn=5m, Bm=4m, đường đá đất	Vào cảng đường sông Liên Sơn
14	Km110+300	Bn=4,5m,Bm=3,5m, BTXM	Đường vào thôn Động Sơn
15	Km110+600	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Thi Sơn
16	Km111+350	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Vào khu bảo trợ Kim Bảng
17	Km111+450	Bn=5m, Bm=4m, đường BTXM	Vào khu chế biến khoáng sản
18	Km112+420	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào làng Quyển Sơn
19	Km112+900	Bn=12m, Bm=7m, đường BTXM	Đường vào thôn Thi Sơn
20	Km113+100	Bm=3,5m, đường BTXM	Đường vào thôn Thi Sơn
21	Km113+250	Bm=3,0m, đường BTXM	Đường vào thôn Thi Sơn
22	Km113+500	Bm=4,5m, đường BTXM	Đường vào thôn Thi Sơn
23	Km113+600	Bm=3,0m, đường BTXM	Đường vào thôn Thi Sơn
24	Km113+800	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào thôn Thi Sơn
25	Km114+20	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào trại giống Kim Bảng
26	Km114+50	Bn=4m	Đường vào khu dân cư
27	Km114+250	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào Thanh Nộn
28	Km114+500	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào xóm 2 Thanh Nộn
29	Km115+290	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào thôn Thanh Nộn
30	KM115+500	Bm=3m, đường BTXM	Đường vào xóm 4 Thanh Nộn
31	Km121+850	Bn=7m	Đường vào xóm Liêm Trung
32	Km122+410	Bn=5m, Bm=3,5m, láng nhựa	Đường vào Liêm Trung
33	Km122+600	Bm=4m, đường láng nhựa	Đường vào khu dân cư
34	Km123+850	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào Liêm Tiết
35	Km126+150	Bn=5m, Bm=3m, đường CPĐD	Vào làng Nguyễn Trung-Liêm Phong
36	Km128+250	Bm=3m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư

37	Km128+920	Bn=9m	Đường vào Liêm Phong
38	Km131+200	Bn=13m	Đường vào UBND xã An Mỹ
39	Km133+350	Bn=7m, Bm=3m, đường CPDD	Đường vào làng An Dương
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km102+600	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
2	Km102+700	Bn=4m, Bm=3m, đường BT	Đường vào Thung Mơ
3	Km103+300	Bn=7m, Bm=5m, đường BT	Đường đi mở khai thác đất
4	Km103+670	Bn=6m, Bm=5m, đường đá đất	Đường vào mở khai thác đất
5	Km103+800	Bm = 3,0m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
6	Km104+050	Bn=5m, Bm=4m, đường nhựa	Đường vào xóm 4 Ba Sao
7	Km104+258	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào xóm 4 Ba Sao
8	Km105+160	Bn=6m, Bm=4m, đường đá đất	Vào xóm Tam Trúc Ba Sao
9	Km105+200	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Ba Sao
10	Km106+480	Bn=10m, Bm=7m, đường đất đá	Đường vào mỏ sét
11	Km111+750	Bn=5m, B=3,5m, đường nhựa	Đường vào làng Quyển Sơn
12	Km113+600	Bm=3m, đường BTXM	Đường Thi Sơn
13	Km113+607	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào khu TTCN Phú Quý
14	Km114+750	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào Thanh Nộn
15	Km114+780	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào Thanh Nộn
16	Km114+950	Bm=3m, đường láng nhựa	Đường vào xóm 4 Thanh Nộn
17	Km115+200	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào thôn Thanh Nộn
18	Km115+730	Bn=5m, Bm=4m, đường CPDD	Đường vào chợ Thanh Sơn
19	Km116+10	Bm = 3,0m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
20	Km116+100	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào thôn Thanh Nộn
21	Km116+500	Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Phù Vân
22	Km116+900	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào xóm 1 Phù Vân
23	Km117+520	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào khu dân cư
24	Km118+130	Bm=3m, đường láng nhựa	Vào tổ 7 phường Lê Hồng Phong
25	Km119+86	Bn=5m, Bm=3,5m, láng nhựa	Vào tổ 12 phường Lê Hồng Phong
26	Km119+300	Bn=20m, Bm=10m, láng nhựa	Đường Trần Nhật Duật
27	Km119+420	Bn=20m, Bm=7m, láng nhựa	Khu tái định cư Lê Hồng Phong
28	Km119+620	Bn=16m, Bm=7m, láng nhựa	Khu tái định cư Châu Sơn
29	Km119b+500	Bn=20m, Bm=10m, láng nhựa	Đường khu đô thị Châu Sơn
30	Km121+800	Bn=4m, Bm=3m, láng nhựa	Đường ra đồng
31	Km121+850	Bn=7m	Đường vào xóm Liêm Trung
32	Km123+400	Bn=4m, Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào Liêm Tiết
33	Km123+850	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào Liêm Tiết
34	Km128+200	Bm=6m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
35	Km132+500	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Đường vào khu dân cư
36	Km132+850	Bm=5m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
37	Km133+350	Bm=6m, đường BTXM	Đường vào tổng kho Bình Lục

### 3. TUYẾN QL21B

3.1. Các tuyến đường bộ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 19 vị trí. Trong đó trái tuyến: 09 vị trí, phải tuyến 10 vị trí.

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km42+050	Bn=9m, Bm=6m, đường nhựa	Giao QL38
2	Km43+600	Bn=9m	Đường đi xã Tượng Lĩnh
3	Km46+020	Nâng cấp Bn=7m, Bm=5m, BT	Xã Tân Sơn
4	Km48+550	Bn=9m, Bm=6m, đường nhựa	Giao ĐT498
5	Km50+650	Bn=14m, Bm=9m, đường nhựa	Đường nội thị trấn
6	Km51+200	Bm=8m, BTN	Giao đường nội thị trấn
7	Km51+550	Bn=7m	Đường vào khu dân cư
8	Km52+700	Bn=7,5m, Bm=6,5m, đường nhựa	Giao ĐT 498B
9	Km56+980	Bm=30,0m, đường nhựa	Đường vào KCN xã Kim Bình
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km42+650	Bn=4m, Bm=2m, đường nhựa	Vào Chùa ông
2	Km42+750	Bn=7,5m, Bm=6m, cấp phối	Đi NMXM Tân Phú Xuân
3	Km44+600	Bn=5m, Bm=3,5m, bê tông	Vào thôn áp
4	Km46+750	Bn=4,5m, Bm=3m, đường nhựa	Thôn Bà Hàng
5	Km48+550	Bn=9m, Bm=6m, đường nhựa	Giao ĐT 498B
6	Km50+900	Bn=13m, Bm=7m, BTN	Đi QL21A
7	Km51+00	Bm=7m, đường nhựa	Thị trấn Quế
8	Km53+900	Bn=4m, Bm=3m, đường nhựa	QL21B cũ (đường Nguyễn Thiện)
9	Km55+300	Bn=4,5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào khu dân cư
10	Km56+980	Bn=7m, Bm=5m, đường nhựa	QL21B cũ

3.2. Các tuyến đường bộ được đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom để thay thế các đường ngang không thực hiện nâng cấp: 03 vị trí. Trong đó trái tuyến: 02 vị trí, phải tuyến 01 vị trí.

STT	Lý trình	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km49+200	Bn = 12m, BTN	Quy hoạch QL21B mới
2	Km50+430	Bn = 12m, Bm = 9m, BTN	QH thị trấn Quế (giao đường nội thị)
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km50+430	Bn = 12m, Bm = 9m, BTN	QH thị trấn Quế (giao đường nội thị)

3.3. Các tuyến đường bộ hiện có duy trì tạm thời sẽ thực hiện đóng lại k. hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế và đường gom: 47 vị trí (trái tuyến: 28 vị trí; phải tuyến: 19 vị trí).

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km42+850	Bm=3,0m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
2	Km42+950	Bm=3m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
3	Km42+990	Bn=4m, Bm=3m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
4	Km43+250	Bn=4m, Bm=3m, bê tông	Đường vào Thôn Quang Thừa
5	Km43+950	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
6	Km44+10	Bn=3m, Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
7	Km44+20	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
8	Km44+200	Bn=5m, Bm=3,5m, bê tông	Thôn Thọ Cầu
9	Km44+700	Bn=3,5m, Bm=2,5m, cấp phối	Đi xã Tượng Lĩnh
10	Km45+250	Bm=1,5m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
11	Km46+300	Bm=3m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
12	Km46+850	Bm=6m, đường đất	Nghĩa trang
13	Km47+100	Bn=4,5m, Bm=2,8m, bê tông	Đi thôn Hồ Trung
14	Km47+950	Bm=1,5m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
15	Km48+750	Bm=8m, bê tông	Khu TTCN huyện Kim Bảng
16	Km49+150	Bn=3,5m, Bm=2,5m, bê tông	Đường vào làng Mã Lão
17	Km49+710	Bm=2,0m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
18	Km50+300	Bn=5,5m, Bm=3,5m, bê tông	Thị trấn Quế
19	Km52+050	Bn=5,5m, Bm=3,5m, bê tông	Đi thôn Văn Lâm
20	Km52+510	Bn=7m, Bm=3,5m, bê tông	Trạm bơm Quế
21	Km52+920	Bn=3m, Bm=2,5m, bê tông	Thôn Kim Thạch
22	Km53+600	Bm=3,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
23	Km53+920	Bm=3,5m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
24	Km54+150	Bm=2,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
25	Km56+100	Bn=5m, Bm=4m, đường nhựa	Xã Kim Bình
26	Km56+800	Bn=5m, Bm=4m, cấp phối	Khu Sản xuất bê tông
27	Km56+900	Bm=3,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
28	Km57+350	Bm=3,0m, đường đá đất	Đường vào khu dân cư
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km43+250	Bn=4m, Bm=3m, bê tông	Đường vào Thôn Quang Thừa
2	Km43+600	Bn=5,5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Xã Tượng Lĩnh
3	Km44+300	Bn=5m, Bm=3,5m, cấp phối	Vào Mỏ đá
4	Km44+400	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
5	Km45+350	Bn=5,5m, Bm=4,2m, bê tông	Xã Tân Sơn
6	Km46+050	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Đi xã Lê Hồ
7	Km46+100	Bm=5m, bê tông	Chợ Tân Sơn

8	Km46+300	Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
9	Km47+100	Bn=4,5m, Bm=2,8m, bê tông	Đi thôn Hồ Trung
10	Km47+500	Bm=1,5m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
11	Km47+950	Bm=2,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
12	Km49+150	Bn=3,5m, Bm=2,5m, bê tông	Đường ra đồng
13	Km49+700	Bn=3,5m, Bm=2,5m, bê tông	Đường vào khu dân cư
14	Km50+100	Bm=4m, cấp phối	Đường vào làng
15	Km51+100	Bn=5m, Bm=3,5m, đường nhựa	Giao đường nội thị trấn
16	Km52+300	Bn=5m	Đường vào khu dân cư
17	Km54+130	Bm=5,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư
18	Km55+870	Bn=3,5m, Bm=2m, bê tông	Thôn Phù Lão
19	Km56+90	Bm=3,0m, đường bê tông	Đường vào khu dân cư

#### 4. TUYẾN QL38:

4.1. Các tuyến đường bộ hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp: 29 vị trí. Trong đó trái tuyến: 16 vị trí, phải tuyến 13 vị trí.

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km73+200	Bm=3m, đường đất	Làng Từ Đài
2	Km74+950	Bn=7m	Đường QL38 cũ
3	Km75+650	Bn=12m	Nâng cấp đường vào khu ĐT Đồng Văn - Yên Lệnh
4	Km76+570	Bm=10m, đường láng nhựa	Đường vào bến xe Hoà Mạc
5	Km77+320	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào Lũng Xuyên
6	Km79+700	Bn=6m, Bm=3,5m, đường CPĐĐ	Giao ĐT9022 cũ
7	Km81+050	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào làng Vũ xã Yên Bắc
8	Km85+450	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Làng Động Linh xã Duy Minh
9	Km86+900	Bn=7m, Bm=5m, đường láng nhựa	ĐT498B (đi TT Quế)
10	Km87+260	Bn=7m, Bm=3,5m, láng nhựa	ĐT498 (đi Khả Phong)
11	Km89+500	Bn=5m, Bm=3m, đường láng nhựa	Xóm 8 Đại Cường (đi UBND xã Đại Cường)
12	Km92+100	Bn=6m, Bm=3m, đường nhựa	Xã Lê Hồ (đi UBND xã Lê Hồ)
13	Km93+100	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	xóm I Nguyễn Uý
14	Km94+550	Bn=7m	Đi UBND xã Lê Hồ
15	Km95+750	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 5 Nguyễn Uý
16	Km97+350	Bn=6m, Bm=3m, đường BTXM	Phù Đề Tượng Lĩnh
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km73+200	Bm=3m, đường đá đất	Làng Từ Đài
2	Km75+050	Bn=9m, Bm=47m, đường CPĐĐ	Đường vào khu CN cầu Giát
3	Km77+030	Bm=3,5m, đường BTN	Giao ĐT 9023 cũ



4	Km81+200	Bm=2,0m, đường BTXM	Đường ra đồng
5	Km82+950	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Vào UBND xã Bạch Thượng
6	Km83+900	Bn=30m, Bm=20m, láng nhựa	Đường vào khu CN Đồng Văn
7	Km85+050	Bn=4m, Bm=3m, láng nhựa	xã Duy Minh
8	Km86+690	Bn=5m, Bm=3,5m, đường CP	xã Duy Hải
9	Km88+420	Bn=5m, Bm=3m, đường CP	Đường đi ứng Hoà Hà Tây
10	Km91+800	Bn=7m, Bm=5m, đường CP	Đi ứng Hoà Hà Tây
11	Km93+650	Bn=7m	Xã Đại Cường Hà Tây
12	Km95+320	Bm=3m, đường BTXM	Chợ Chanh
13	Km97+100	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Chợ Dâu

**4.2. Các tuyến đường bộ được đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom để thay thế các đường ngang không thực hiện nâng cấp: 07 vị trí. Trong đó trái tuyến: 03 vị trí, phải tuyến 04 vị trí.**

STT	Lý trình	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km82+650	Bn=22m, Bm=10m	QH vào khu nhà ở và phục vụ KCN Đồng Văn II
2	Km83+00	Bn=22m, Bm=10m	QH vào khu nhà ở, phục vụ KCN Đồng Văn II và KCN Đồng Văn
3	Km83+900	Bn=36m	QH đường vào khu nhà ở và phục vụ KCN Đồng Văn II
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km75+650	Bn=45m, BTN	QH đường vào khu Đô thị Đồng Văn - Yên Lệnh
2	Km76+920	Bn=43m, BTN	QH đường vào khu ĐT
3	Km87+260	Bn=12m	Giao cầu Nhật Tựu mới
4	Km87+360	Bn=12m	Giao cầu Nhật Tựu mới

**4.3. Các tuyến đường bộ hiện có thực hiện việc nâng cấp để duy trì tạm thời sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế và đường gom: 77 vị trí (trái tuyến: 64 vị trí; phải tuyến: 13 vị trí).**

STT	Lý trình	Hiện trạng	Ghi chú
<b>Trái tuyến</b>			
1	Km74+900	Bn=8m, Bm=6m, đường BTN	Đường QL38 cũ
2	Km75+320	Bm=2m, đường BTXM	Khu dân cư
3	Km75+431	Bm=2m, đường BTXM	Khu dân cư
4	Km76+940	Bn=3,5m, đường BTN	Cầu Hòa Mạc cũ
5	Km77+030	Bm=3,5m, đường BTN	Giao ĐT 9023 cũ
6	Km77+100	Bm=9m, đường BTN	ĐT.493
7	Km77+130	Bm=5m, đường BTXM	Đường vào sân vận động Duy Tiên

8	Km80+150	Bm=3m, đường đá đất	Khu dân cư
9	Km80+300	Bm=2m, đường BTXM	Thôn Lương Xá, xã Yên Bắc
10	Km81+600	Bn=5m, Bm=3m, đường nhựa	Đường vào làng Vũ Yên Bắc
11	Km82+400	Bn=5m, Bm=3m, đường đá đất	Đường vào Yên Bắc
12	Km85+030	Bm=6m, đường BTXM	Đường vào TTCN Mây tre đan xuất khẩu
13	Km85+200	Bm=3m, đường BTXM	Đường vào thôn Trịnh
14	Km85+290	Bm=3m, đường BTXM	Làng Động Linh xã Duy Minh
15	Km85+350	Bm=3m, đường BTXM	Làng Động Linh xã Duy Minh
16	Km85+570	Bm=2m, đường BTXM	Làng Động Linh xã Duy Minh
17	Km85+600	Bm=2m, đường BTXM	Vào làng Chuông
18	Km85+650	Bm=2m, đường BTXM	Vào làng Chuông
19	Km85+900	Bm=2m, đường BTXM	Vào làng Chuông
20	Km86+50	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Vào làng Chuông
21	Km86+530	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường đi xã Hoàng Đông
22	Km86+680	Bn=5m, Bm=3m, đường đá đất	Chợ Đại
23	Km86+860	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	đi Hoàng Tây
24	Km87+805	Bn=3,5m, Bm=2,5m, đường CP	Trạm bơm Giáp Ba
25	Km88+350	Bn=5m, Bm=2,5m, đường BTXM	xóm 8 Đại Cường
26	Km88+530	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 8 Đại Cường
27	Km88+650	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 8 Đại Cường
28	Km88+700	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 8 Đại Cường
29	Km88+730	Bn=3m, Bm=2m, đường BTXM	Vào khu dân cư xã Đại Cường
30	Km88+950	Bn=4m, Bm=2,5m, đường BTXM	Nghĩa trang xóm 8 Đại Cường
31	Km89+220	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
32	Km89+400	Bm=3m, đường BTXM	xóm 8 Đại Cường
33	Km89+450	Bm=5m, đường BTXM	Đường vào làng Thịnh Đại
34	Km89+800	Bn=5m, Bm=3m, đường đá đất	xóm 9 Đại Cường
35	Km90+005	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 9 Đại Cường
36	Km90+360	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 9 Đại Cường
37	Km90+450	Bn=3,5m, Bm=2,5m, BTXM	xóm 7 Đại Cường
38	Km91+10	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
39	Km91+200	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
40	Km91+300	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
41	Km92+300	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	Đường mặt xã Lê Hồ
42	Km93+730	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	xóm II Nguyễn Uy
43	Km94+300	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	xóm II Nguyễn Uy
44	Km94+600	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 3 Nguyễn Uy
45	Km94+750	Bm=2m, đường BTXM	xóm 3 Nguyễn Uy
46	Km94+900	Bm=2m, đường BTXM	xóm 3 Nguyễn Uy
47	Km95+050	Bm=2m, đường lát gạch	Đường vào khu dân cư

48	Km95+150	Bn=3,5m, Bm=2,5m, BTXM	xóm 4 Nguyễn Uý
49	Km95+200	Bm=2m, đường lát gạch	Đường vào khu dân cư
50	Km95+300	Bn=4m, Bm=3m, đường BTXM	xóm 5 Nguyễn Uý
51	Km96+900	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư — Phù đê
52	Km96+920	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư — Phù đê
53	Km96+940	Bm=3m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư — Phù đê
54	Km96+960	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư — Phù đê
55	Km96+980	Bm=3m, đường BTXM	Phù Đê - Tượng Lĩnh
56	Km96+990	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư — Phù đê
57	Km97+30	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
58	Km97+50	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
59	Km97+70	Bm=2,5m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
60	Km97+200	Bm=3m, đường BTXM	Phù Đê Tượng Lĩnh
61	Km97+220	Bm=2m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
62	Km97+250	Bm=1,5m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
63	Km97+300	Bm=3,0m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
64	Km97+400	Bm=5,0m, đường nhựa	Đường vào khu dân cư
<b>Phải tuyến</b>			
1	Km75+431	Bn=5m, Bm=3,5m, đường CPDD	Đường đi Châu Giang
2	Km75+500	Bm=2m, đường đá đất	Ra đồng
3	Km76+570	Bm=10m, đường láng nhựa	Đường vào TTTMại Duy Tiên
4	Km80+300	Bm=2m, đường BTN	Thôn Lương Xá, xã Yên Bắc
5	Km81+650	Bm=2,0m, đường đất	Đường ra đồng
6	Km83+180	Bn=5m, Bm=3m, đường CPDD	Đường vào TT. Giồng Thủy
7	Km84+430	Bm=3,5m, đường nhựa	Khu dân cư
8	Km84+900	Bm=3m, đường đá đất	Đường vào làng Ninh Lão
9	Km85+270	Bm=3m, đường BTXM	xã Duy Minh
10	Km85+945	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Đường vào khu dân cư
11	Km86+810	Bn=5m, Bm=3m, đường CP	xã Duy Hải
12	Km88+130	Bn=5m, Bm=3m, đường BTXM	Thôn Tam Giáp — xã Duy Hải
13	Km94+550	Bm=1,5m, đường đá đất	Vào thôn Đức xã Nguyễn Uý

Phụ lục II

CÁC VỊ TRÍ QUY HOẠCH ĐƯỜNG NGANG GIAO CẮT VỚI ĐƯỜNG SẮT CHÍNH TUYẾN BẮC - NAM (ĐƯỜNG SẮT THỐNG NHẤT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6.4/QĐ-UBND ngày 30/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)



I. ĐƯỜNG SẮT CHÍNH TUYẾN BẮC - NAM (ĐƯỜNG SẮT THỐNG NHẤT):

1. Các đường ngang hiện có, tiếp tục duy trì, nâng cấp: 08 vị trí.

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Quy mô quy hoạch	Ghi chú
1	Km44+280	Dàn chắn	Giữ nguyên cấp đường ngang; bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn.	QL38 Đồng Văn - Yên Lệnh
2	Km54+670	Đèn cảnh báo tự động	Bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn; Khi mật độ cao nâng cấp thành đường ngang cấp I có gác.	Phường Quang Trung (rẽ Lam Hạ)
3	Km55+250	Dàn chắn	Giữ nguyên; bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn.	Đường Lê Lợi
4	Km55+475	Dàn chắn	Giữ nguyên; bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn.	Đường Biên Hoà
5	Km62+950	Dàn chắn	Giữ nguyên; bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn.	ĐT9712 đi thị trấn Non
6	Km66+150	Biển báo	Bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn; Khi mật độ cao nâng cấp thành đường ngang cấp II có gác.	UBND xã Mỹ Thọ
7	Km67+520	Cản chắn	Giữ nguyên; bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn.	ĐT497 đi Ý Yên
8	Km69+678	Đèn cảnh báo tự động	Bổ sung đầy đủ biển báo, giải toả tầm nhìn; Khi mật độ cao nâng cấp thành đường ngang cấp II có gác.	Đường vào xã An Đỗ
Tổng cộng		08 vị trí		

2. Các đường ngang hiện có thực hiện bổ sung thiết bị ATGT để duy trì có thời hạn, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế và hệ thống đường gom: 27 vị trí.

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Trang thiết bị ATGT cần bổ sung để duy trì tạm thời	Ghi chú
1	Km44+850	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào thôn Đồng Văn
2	Km45+550	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường ra đồng
3	Km46+487	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào thôn Bạch Xá

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Trang thiết bị ATGT cần bổ sung để duy trì tạm thời	Ghi chú
4	Km47+287	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào thôn Hoàng Đạo
5	Km47+975	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào thôn Hoàng Lý
6	Km48+725	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào xã Tiên nội
7	Km49+290	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào xã Tiên nội
8	Km49+658	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào thôn Cầu Sáo
9	Km50+330	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường ĐT9711
10	Km50+780	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào làng Kiều
11	Km51+274	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào làng Đan
12	Km51+700	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào làng Đại Cầu
13	Km52+905	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Phường Quang Trung
14	Km53+814	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Phường Quang Trung
15	Km57+106	Có rào chắn, đèn cảnh báo	Không	QL21A
16	Km58+950	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào UBND xã Liêm Trung (Chợ Cầu)
17	Km59+505	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào xã Liêm Trung
18	Km60+612	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào xã Liêm Tiết
19	Km61+062	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào Liêm Tiết
20	Km62+314	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào thôn Động Nhất, xã Liêm Cần.
21	Km64+575	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào Liêm Phong
22	Km65+377	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường vào Liêm Phong
23	Km68+013	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào làng An Dương
24	Km70+050	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường ra đồng
25	Km70+416	Có biển báo	Bổ sung đèn cảnh báo	Đường đi chợ rằm (Cầu Sắt)
26	Km70+550	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào xã Mĩ Thọ
27	Km72+130	Có đèn cảnh báo	Bổ sung biển báo	Đường vào làng Trung Lương
<b>Tổng cộng</b>		<b>27 vị trí</b>		

. Các đường ngang đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom: 11 vị trí.

STT	Lý trình	Quy mô quy hoạch	Ghi chú
1	Km41+175	Đường ngang cấp III, nội bộ có người gác, phòng vệ bằng giàn chắn (Đang thi công theo QĐ của Tổng Công ty Đường sắt)	Đường vào khu CN Đông Văn 2
2	Km42+840	Đường ngang tạm cấp III, có gác chắn	Tuyến tránh đảm bảo giao thông phục vụ thi công nút giao Đông Văn (đường ngang tạm thời)
3	Km45+130	Đường ngang cấp I, có gác chắn	Đường QH vào khu công nghiệp
4	Km47+700	Đường ngang cấp I, có gác chắn	Đường QH vào khu công nghiệp, khu trung tâm đào tạo
5	Km50+300	Đường ngang cấp I, có gác chắn	QH vào khu trung tâm đào tạo và liên thông với đường cao tốc
6	Km53+300	Đường ngang cấp I, có gác chắn	Đường phố chính quy hoạch của TX Phủ Lý
7	Km57+393	Đường ngang cấp I, có gác chắn	Giao với đường QH của TX Phủ Lý - Trục N1 (đang xây dựng)
8	Km58+100	Đường ngang cấp II, có gác chắn	Giao với đường đô thị QH (đang xây dựng)
9	Km58+600	Đường ngang cấp II, có gác chắn	Giao với đường QH của TX Phủ Lý
10	Km60+170	Đường ngang cấp II có gác chắn	Giao với đường QH của TX Phủ Lý
11	Km72+130	Đường ngang cấp I có gác chắn	Giao với đường vành đai Đông Nam quy hoạch
<b>Tổng cộng</b>		<b>11 vị trí</b>	

## II. ĐƯỜNG SẮT CHUYÊN DÙNG PHỦ LÝ - KIẾN KHÊ - BÚT SƠN:

### 1. Các đường ngang hiện có, tiếp tục duy trì, nâng cấp: 09 vị trí.

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Quy mô quy hoạch	Ghi chú
1	Km0+675	Gác chắn, đèn cảnh báo	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo	Đường QL1A
2	Km0+987	Rào chắn, đèn cảnh báo	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo	Cầu Phủ Lý
3	Km3+712	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường ĐT.494C
4	Km4+613	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Xã Châu Sơn
5	Km4+702	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Xã Châu Sơn

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Quy mô quy hoạch	Ghi chú
6	Km5+250	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường ĐT.494
7	Km5+700	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào làng
8	Km7+074	Gác chắn	Nâng cấp thành đường ngang III.	Đường nối ĐT9028 với ĐT9029
9	Km7+338	Gác chắn	Giữ nguyên, bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đối diện kho xăng dầu K35
<b>Tổng cộng</b>		<b>09 vị trí</b>		

**2. Các đường ngang hiện có thực hiện bổ sung thiết bị ATGT để duy trì tạm thời, sẽ thực hiện đóng lại khi hoàn thành đầu tư các vị trí đường ngang thay thế: 04 vị trí.**

STT	Lý trình	Quy mô hiện tại	Trang thiết bị ATGT cần bổ sung để duy trì tạm thời	Ghi chú
1	Km1+250	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào KTT Thanh Châu
2	Km1+450	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào Công ty Vinh Hoa
3	Km1+537	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào Công ty Vinh Hoa
4	Km1+700	Chưa có trang thiết bị đảm bảo ATGT	Bổ sung đầy đủ biển báo, đèn cảnh báo	Đường vào C. ty CP Sông Đà
<b>Tổng cộng</b>		<b>04 vị trí</b>		

**3. Các đường ngang đầu tư xây dựng mới để phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ của tỉnh kết hợp với đường gom thay thế: 01 vị trí.**

STT	Lý trình	Quy mô quy hoạch	Ghi chú
1	Km1+150	Đường ngang cấp III có gác chắn	QH vào khu TMDV Đông sông Đáy
<b>Tổng cộng</b>		<b>01 vị trí</b>	